TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 118/2019/QĐST -HNGĐ

TN, ngày 13 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 70/2019/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Đăng H, sinh năm 1978

Bị đơn: Chị Vũ Thị Thu Hi, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Tổ 6, phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 143, 144, 146, 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 51,55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS; Điều 483 BLTTDS

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Hoàng Đăng H và chị Vũ Thị Thu Hi

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1Về quan hệ vợ chồng:

Anh Hoàng Đăng H và chị Vũ Thị Thu Hi đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn để giải phóng cho nhau.

2.2 Về con chung: Chị Vũ Thị Thu Hi trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung Hoàng L sinh ngày 12/9/2012 đến khi con tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2019 đến khi con tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung .

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị Hi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh H không tự nguyện thi hành số tiền trên thì hàng tháng anh H còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Anh H, chị Hi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí: Anh H tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm ngàn đồng) tiền án phí LHST và 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí DSST (cấp dưỡng nuôi con) vào ngân sách nhà nước được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007257 ngày 16/01/2019 của Chi cục thi hành án thành phố TN.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án và người phải thi hành án hoặc bị cưỡng chế thị hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thì hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAT TN;
- VKS ND TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- UBND P. Phan Đình Phùng;
- Các Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

đã ký

Đoàn Thị Minh Huệ